

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 116/TTr-SKH-CN ngày 28 tháng 12 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 535/BC-STP ngày 27 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 5 như sau:

“3. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa: ngoài các nội dung hỗ trợ tại khoản 1, khoản 2 Điều này, doanh nghiệp còn được hỗ trợ theo khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50.000.000 đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100.000.000 đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20.000.000 đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50.000.000 đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100.000.000 đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

c) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100.000.000 đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Tổ chức, doanh nghiệp khi được cấp giấy chứng nhận phù hợp theo các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý được hỗ trợ một lần cho mỗi loại hệ thống quản lý với các mức như sau:

a) Hệ thống quản lý chất lượng (TCVN ISO 9001 hoặc ISO 9001): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận;

b) Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (TCVN ISO 22000, ISO 22000, HACCP, IFS, BRC, FSSC 22000): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận;

c) Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm (TCVN ISO/IEC 17025 hoặc ISO/IEC 17025): Mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/Giấy chứng nhận;

d) Hệ thống quản lý về môi trường (TCVN ISO 14001 hoặc ISO 14001): Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/Giấy chứng nhận;

đ) Hệ thống quản lý năng lượng (TCVN ISO 50001 hoặc ISO 50001): Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/Giấy chứng nhận;

e) Hệ thống quản lý đổi mới (TCVN ISO 56001 hoặc ISO 56001): Mức hỗ trợ 100.000.000 đồng/Giấy chứng nhận;”

3. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 6 như sau:

“3. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc (yêu cầu phải kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh hoặc quốc gia) đối với các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP được cấp có thẩm quyền công nhận (còn hiệu lực) nhưng không quá 50.000.000 đồng/sản phẩm.”

4. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 7 như sau:

“5. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa: được hỗ trợ theo khoản 3 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, cụ thể: Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100.000.000 đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.”

5. Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 như sau:

“ Điều 8a. Hỗ trợ việc phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp được chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ được hỗ trợ 100.000.000 đồng/doanh nghiệp.

2. Tổ chức được chứng nhận tổ chức trung gian của thị trường khoa học công nghệ được hỗ trợ 100.000.000 đồng/tổ chức.”

6. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 11 như sau:

“5. Đối với nội dung hỗ trợ theo khoản 3 Điều 5 thì thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Mục 1 Chương II Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.”

7. Bổ sung Điều 14a vào sau Điều 14 như sau:

“Điều 14a. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục hỗ trợ việc phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đề nghị:

Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ việc phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, trong đó cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung đề nghị hỗ trợ;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc Giấy chứng nhận tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ tùy thuộc vào nội dung đề nghị hỗ trợ;

c) Báo cáo doanh thu năm trong đó doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp (đối với thủ tục hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ).

2. Thẩm quyền, trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính tổ chức thẩm định, đánh giá, xem xét các điều kiện hỗ trợ; quyết định phê duyệt định mức hỗ trợ; thông báo và nêu rõ lý do, yêu cầu đối với đối tượng không hoặc chưa đủ điều kiện hỗ trợ.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh, CV;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, K8. *20/11*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang